

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HN-ST

Ngày: 03-02-2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Công Đức**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Đặng Văn Tâm**

2. Ông **Nguyễn Văn Trí**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Ngô Thị Lắm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới không tham gia phiên tòa.*

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 835/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 604/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Mỹ N**, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố BP B, phường BC, thành phố TA, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Duy K**, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp LH1, xã LK, huyện CM, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ N trình bày, bà và ông Nguyễn Duy K tự quen biết và sống chung vào năm 2013, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, chồng cờ bạc không lo làm ăn, bà khuyên nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2017 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, bà N yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà N xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Nhật D, sinh ngày 19/01/2015, hiện con đang sống với ông K. Sau khi ly hôn, bà đồng ý để ông K được tiếp tục nuôi con chung, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Duy K trong quá trình giải quyết đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của bà N và triệu tập hợp lệ, nhưng ông không có ý kiến và vắng mặt trong các buổi công khai chứng cứ, hòa giải, nên không ghi nhận ý

kiến và hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị Mỹ N vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Ông Nguyễn Duy K đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa, nhưng ông vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Bà Trần Thị Mỹ N khởi kiện xin ly hôn ông Nguyễn Duy K có nơi cư trú ấp LH1, xã LK, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông Nguyễn Duy K đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa, nhưng ông vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Duy K là có căn cứ.

Bà N thay đổi yêu cầu đồng ý để ông K nuôi con, bà không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của bà N không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của bà N.

[2]- Về nội dung: Bà Trần Thị Mỹ N và ông Nguyễn Duy K sống chung vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, chồng cờ bạc không lo làm ăn, bà khuyên nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2017 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, bà N xin ly hôn ông K. Hội đồng xét xử xét thấy, bà N và ông K kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của bà N và triệu tập họp lệ ông K để giải quyết, nhưng ông không có ý kiến và vắng mặt trong các buổi hòa giải, điều này chứng tỏ tình cảm của ông K đối với bà N không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, nếu sống chung lại cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu của bà N phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và có cơ sở chấp nhận.

[2.1]- Về quan hệ con chung: Bà N xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Nhật D, sinh ngày 19/01/2015, hiện đang sống với ông K. Sau khi ly hôn, bà N đồng ý để ông K được tiếp tục nuôi con chung, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nuôi con phải được xem xét trên cơ sở điều kiện, nuôi dưỡng về vật chất, cũng như tinh thần, đảm bảo cho con chung phát triển tốt, trở thành công dân có ích cho xã hội. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường và ổn định trong cuộc sống, nên yêu cầu của bà N về việc giao cho ông K nuôi con chung là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và có cơ sở chấp nhận.

Do bà N không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, ông K vắng mặt không ghi nhận được yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2]- Về quan hệ tài sản chung: Bà N xác định vợ chồng không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.3]- Về nợ chung: Bà N xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 227, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà **Trần Thị Mỹ N** xin ly hôn ông **Nguyễn Duy K**.

Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Duy K được tiếp tục nuôi 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Nhật D, sinh ngày 19/01/2015, hiện đang sống với ông K. Bà Trần Thị Mỹ N không phải cấp dưỡng nuôi con.

**Ông K** cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quan hệ tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Ghi nhận bà N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà N, ông K vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Bà Trần Thị Mỹ N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0013762 ngày 27/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Kiên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Công Đức**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Công Đức**